

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

				Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131,830,607,990	132,171,385,717
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22,443,866,990	37,379,639,805
1. Tiền	111		7,943,866,990	16,179,639,805
2. Các khoản tương đương tiền	112		14,500,000,000	21,200,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	59,018,000	59,018,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		225,650,862	225,650,862
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(166,632,862)	(166,632,862)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	40,853,904,372	40,422,816,883
1. Phải thu khách hàng	131		31,816,139,304	31,687,108,763
2. Trả trước cho người bán	132		8,153,372,381	7,147,731,502
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		884,392,687	1,587,976,618
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		45,321,554,608	34,942,549,589
1. Hàng tồn kho	141	5.4	45,321,554,608	34,942,549,589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23,152,264,020	19,367,361,440
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,315,177,156	1,058,939,038
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		143,626,710	15,552,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	20,693,460,154	18,292,870,402

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25,626,448,790	26,734,045,886
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31,600,000	31,600,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		31,600,000	31,600,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18,890,961,008	20,478,762,620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	18,832,119,618	20,180,982,012
<i>Nguyên giá</i>	222		48,165,762,551	47,180,236,481
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29,333,642,933)	(26,999,254,469)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	51,568,663	47,088,677
<i>Nguyên giá</i>	228		147,507,544	205,607,544
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(95,938,881)	(158,518,867)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		7,272,727	250,691,931
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,416,900,000	2,837,120,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	3,416,900,000	2,837,120,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,286,987,782	3,386,563,266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,789,813,382	2,949,388,866
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		497,174,400	437,174,400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157,457,056,780	158,905,431,603

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Tiền nhận giữ hộ, chi hộ		553.45	
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		21,127.51	81,137.51
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2011

Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		101,137,075,215	104,676,875,240
I. Nợ ngắn hạn	310		62,510,627,102	71,969,495,427
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	545,000,000	545,000,000
2. Phải trả người bán	312		6,079,888,022	9,626,546,777
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	46,067,307,679	45,125,645,442
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	785,486,071	2,213,215,005
5. Phải trả người lao động	315		2,166,369,199	2,950,970,261
6. Chi phí phải trả	316		2,152,673,027	2,031,853,383
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	4,039,307,769	8,373,849,238
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	5.13	674,595,335	1,102,415,321
II. Nợ dài hạn	330		38,626,448,113	32,707,379,813
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,420,553,510	1,093,445,510
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.14	37,205,894,603	31,613,934,303
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56,319,981,565	54,228,556,363
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	56,319,981,565	54,228,556,363
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,545,000,000	30,545,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,342,150,291	5,342,150,291
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,619,248,600	1,619,248,600
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18,813,582,674	16,722,157,472
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157,457,056,780	158,905,431,603

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	134,609,562,172	115,729,449,726	352,591,805,470	257,577,034,166
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		179,681,007	173,058,895	495,961,963	416,133,797
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		134,429,881,165	115,556,390,831	352,095,843,507	257,160,900,369
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	127,073,997,650	108,084,307,281	332,386,990,635	240,373,782,766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,355,883,515	7,472,083,550	19,708,852,872	16,787,117,603
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	777,741,144	921,688,090	2,250,017,055	2,889,585,542
7. Chi phí tài chính	22	6.4	29,344,011	41,786,997	275,686,329	94,227,619
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13,897,500	13,897,500	41,692,500	41,692,500
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	6,264,087,522	5,553,189,296	17,012,898,813	14,646,840,394
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động	30		1,840,193,126	2,798,795,347	4,670,284,785	4,935,635,132
11. Thu nhập khác	31	6.6	1,158,632,100	388,739,700	2,300,459,745	2,112,427,374
12. Chi phí khác	32	6.7	3,212,737	25,254,946	109,510,929	364,809,967
13. Lợi nhuận khác	40		1,155,419,363	363,484,754	2,190,948,816	1,747,617,407
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,995,612,489	3,162,280,101	6,861,233,601	6,683,252,539
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	748,903,122	790,570,025	1,715,308,399	1,670,813,135
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập	60		2,246,709,367	2,371,710,076	5,145,925,202	5,012,439,404
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	736	776	1,685	1,641



Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2011

Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

				Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9T/2011	Năm 2010	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6,861,233,601	10,209,489,565	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,271,808,478	3,533,866,829	
- Các khoản dự phòng	03		-	-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,269,489,025)	(3,924,934,760)	
- Chi phí lãi vay	06		41,692,500	55,590,000	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6,905,245,554	9,874,011,634	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4,358,276,483)	(32,463,689,183)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10,379,005,019)	(17,976,554,712)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3,201,790,301	47,957,545,825	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,096,662,634)	(1,629,791,368)	
- Tiền lãi vay đã trả	13		(41,692,500)	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,689,059,629)	(2,422,569,988)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		618,417,000	822,155,904	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(779,128,986)	(1,217,558,808)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,618,372,396)	2,943,549,304	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,609,320,916)	(9,045,945,945)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		178,388,566	846,300,002	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12,956,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10,000,000,000	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(579,780,000)	(607,400,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		763,748,431	3,389,110,552	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,246,963,919)	4,569,108,609	

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9T/2011	Năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,070,436,500)	(2,998,708,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6,070,436,500)	(2,998,708,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14,935,772,815)	4,513,949,913
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		37,379,639,805	32,865,689,892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		22,443,866,990	37,379,639,805



Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2011

Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du Lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 4966/QĐ-UB ngày 07 tháng 10 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính Công ty đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Môi giới vận tải. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý đối ngoại tệ. Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng. Karaoke. Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy. Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc. Dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ môi giới bất động sản. Kinh doanh vũ trường và massage. Thiết kế tạo mẫu. Kinh doanh nhà ở. Quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng. Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý). Tư vấn du học. Đào tạo dạy nghề. Đại lý bảo hiểm. Đại lý vận chuyển hàng hóa. Mua bán mỹ phẩm. Dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng qui cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được

4.5. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.5.2 Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

4.5.3 Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 5 - 25 năm
- Máy móc thiết bị 4 - 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

- | | | |
|---|--------------------------------|------------|
| - | Phương tiện vận tải truyền dẫn | 5 - 12 năm |
| - | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 4 - 12 năm |
| - | Tài sản cố định vô hình | 2 - 4 năm |

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng góp mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ treo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN.
- Nguyên tắc và Phương pháp ghi nhận chi phí thuế (TNDN) hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các Mức thuế suất (và các Luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 01 năm 2005 thì Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (năm 2007 đến năm 2009).
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/09/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2,048,735,085	4,532,662,981
Tiền gửi ngân hàng	5,895,131,905	11,646,976,824
Các khoản tương đương tiền	14,500,000,000	21,200,000,000
Cộng	<u>22,443,866,990</u>	<u>37,379,639,805</u>

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30/09/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	225,650,862	225,650,862
Tiền gửi có kỳ hạn	-	0
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	<u>225,650,862</u>	<u>225,650,862</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(166,632,862)	(166,632,862)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>59,018,000</u>	<u>59,018,000</u>

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/09/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	31,816,139,304	31,687,108,763
Trả trước cho người bán	8,153,372,381	7,147,731,502
Các khoản phải thu khác	884,392,687	1,587,976,618
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>40,853,904,372</u>	<u>40,422,816,883</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	0	0
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>40,853,904,372</u>	<u>40,422,816,883</u>

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	<u>30/09/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng mua vé máy bay	16,493,509,046	18,043,840,962
Khách hàng mua tour	12,930,247,050	13,041,134,445
Các khách hàng khác	2,392,383,208	602,133,356
Cộng	<u>31,816,139,304</u>	<u>31,687,108,763</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.4. Hàng tồn kho

	30/09/2011	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	45,926,296	60,019,263
Công cụ, dụng cụ	80,521,400	126,533,400
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45,045,089,232	34,605,686,093
Hàng hóa	150,017,680	150,310,833
Cộng giá gốc hàng tồn kho	45,321,554,608	34,942,549,589
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	45,321,554,608	34,942,549,589

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/09/2011	Số đầu năm
Tạm ứng	20,693,460,154	18,292,870,402
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	0
Cộng	20,693,460,154	18,292,870,402

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27,194,453	6,526,720	10,637,464	2,821,599	47,180,236
Mua sắm mới	1,148,087	246,169		196,164	1,590,420
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	172,555				172,555
Thanh lý, nhượng bán	31,240	383,828	362,381		777,449
Số cuối kỳ	28,483,855	6,389,061	10,275,083	3,017,763	48,165,762

Trong đó:

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	17,774,077	4,289,596	3,022,572	1,913,009	26,999,254
Khấu hao trong kỳ	1,404,936	653,657	811,862	214,059	3,084,514
Thanh lý, nhượng bán	3,916	383,828	362,381		750,125
Số cuối kỳ	19,175,097	4,559,425	3,472,053	2,127,068	29,333,643

Giá trị còn lại

Số đầu năm	9,420,376	2,237,124	7,614,892	908,590	20,180,982
Số cuối kỳ	9,308,758	1,829,636	6,803,030	890,695	18,832,119

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	205,608	18,900	77,000	147,508
Khấu hao lũy kế	158,519	14,420	77,000	95,939
Giá trị còn lại	47,089	-	-	51,569

5.8. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu của các đơn vị sau

	30/06/2011	Số đầu năm
Công ty Cổ phần du lịch Bình Châu	2,816,900,000	2,237,120,000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	200,000,000	200,000,000
Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC	400,000,000	400,000,000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	3,416,900,000	2,837,120,000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	3,416,900,000	2,837,120,000

5.9. Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngắn hạn của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1 với lãi suất cho vay là 0.85%/tháng và không được đảm bảo

5.10. Người mua trả tiền trước

	30/09/2011	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền tour trong quý 3/2011	37,695,290,197	34,686,820,458
Khách hàng ứng trước tiền tour trong quý 4/2011	6,490,194,677	9,329,464,935
Khác	1,881,822,805	1,109,360,049
Cộng	46,067,307,679	45,125,645,442

Khách hàng ứng trước tiền tour trong quý 3/2011 là doanh thu các tour du lịch trong quý 3/2011 đã hoàn thành nhưng chưa xuất hóa đơn cho khách hàng để ghi nhận doanh thu do chưa tập hợp đủ chi phí để ghi nhận giá vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2011	Số đầu năm
Thuế GTGT	-	1,292,279,363
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2,460,770	15,352,693
Thuế thu nhập doanh nghiệp	748,903,122	722,654,352
Thuế thu nhập cá nhân	34,122,179	182,928,597
	785,486,071	2,213,215,005

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2011	Số đầu năm
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	946,094,323	914,088,846
Phải trả về cổ phần hoá	317,100,000	317,100,000
Cổ tức phải trả	-	3,110,292,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,776,113,446	4,032,368,392
Cộng	4,039,307,769	8,373,849,238

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/09/2011	Số đầu năm
Số dư đầu năm	1,102,415,321	659,729,155
Trích lập trong quý		948,299,170
Sử dụng trong quý	(427,819,986)	(505,613,004)
Số dư cuối quý	674,595,335	1,102,415,321

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

	30/09/2011	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện lữ hành	36,453,388,011	31,400,343,419
Khác	752,506,592	213,590,884
	37,205,894,603	31,613,934,303

Chủ yếu là doanh thu các tour du lịch đã hoàn thành và đã xuất hóa đơn cho khách hàng. Tuy nhiên, do chưa tập hợp đủ chi phí để ghi nhận giá vốn, do đó chưa thể ghi nhận trong kỳ

5.15. Vốn chủ sở hữu**5.15.1. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	30/09/2011	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	6,000,000,000	6,000,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	24,545,000,000	24,545,000,000
Cộng	30,545,000,000	30,545,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.15.2. Phân phối lợi nhuận

	30/09/2011	Số đầu năm
Tại thời điểm đầu năm	16,722,157,472	16,722,157,472
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	5,145,925,202	7,689,498,616
Trích lập quỹ đầu tư phát triển		(316,099,723)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính		(316,099,723)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi		(948,299,170)
Chia cổ tức	(3,054,500,000)	(6,109,000,000)
Tổng cộng	18,813,582,674	16,722,157,472

5.15.3. Cổ phần

	30/09/2011	Số đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3,054,500	3,054,500
Số lượng cổ phần đã bán	3,054,500	3,054,500
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3,054,500	3,054,500

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	9T/2011	9T/2010
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	7,177,312,925	7,364,637,929
- Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	6,600,484,509	7,676,101,601
- Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	249,794,822,792	187,840,561,650
- Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	8,898,731,544	6,295,306,210
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	80,120,453,700	48,400,426,776
- Hàng bán bị trả lại	(340,027,269)	(253,303,144)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	(155,934,694)	(162,830,653)
Doanh thu thuần	352,095,843,507	257,160,900,369

6.2. Giá vốn hàng bán

	9T/2011	9T/2010
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	3,254,735,270	2,985,960,564
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	5,590,956,200	5,801,364,150
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	236,167,242,591	176,781,707,077
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	7,465,741,370	5,177,405,450
Giá vốn của dịch vụ khác	73,424,748,566	42,143,158,695
Giá vốn kinh doanh chi phí chung	6,483,566,638	7,484,186,830
Cộng	332,386,990,635	240,373,782,766

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	9T/2011	9T/2010
Lãi tiền gửi	2,206,370,957	2,632,835,302
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,602,415	158,117,077
Lãi do thu đổi ngoại tệ	42,043,683	98,633,163
Khác	-	-
Cộng	2,250,017,055	2,889,585,542

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	9T/2011	9T/2010
Chi phí lãi vay	41,692,500	41,692,500
Lỗ do thu đổi ngoại tệ	233,620,464	51,632,531
Chi phí hoạt động tài chính khác	373,365	902,588
Cộng	275,686,329	94,227,619

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	9T/2011	9T/2010
Chi phí nhân công	9,134,767,698	9,124,884,545
Chi phí đồ dùng văn phòng	176,941,715	319,676,784
Chi phí khấu hao TSCĐ	599,433,533	407,150,716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193,989,437	101,553,555
Chi phí khác	6,907,766,430	4,693,574,794
Cộng	17,012,898,813	14,646,840,394

6.6. Thu nhập khác

	9T/2011	9T/2010
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	208,936,363	822,014,915
Thu khác	2,091,523,382	1,290,412,459
Cộng	2,300,459,745	2,112,427,374

6.7. Chi phí khác

	9T/2011	9T/2010
Giá trị tài sản thanh lý nhượng bán	30,547,797	338,257,159
Chi phí khác	78,963,132	26,552,808
Cộng	109,510,929	364,809,967

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURS

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>9T/2011</u>	<u>9T/2010</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6,861,233,601	6,683,252,539
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Trừ cổ tức nhận được	(1,602,415)	(158,117,077)
Trừ thu nhập khác	(2,202,714,231)	(2,731,468,465)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4,656,916,955	3,793,666,997
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
 Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	 <u>1,164,229,238</u>	 <u>948,416,749</u>
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo GPKD		
Cộng khoản thuế từ cổ tức, thu nhập khác	551,079,161	722,396,386
CP thuế TNDN hiện hành	<u>1,715,308,399</u>	<u>1,670,813,135</u>

6.9. Lãi cơ bản trên cổ phần

	<u>9T/2011</u>	<u>9T/2010</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,145,925,202	5,012,439,404
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3,054,500	3,054,500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	<u>1,685</u>	<u>1,641</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2011


Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Hùng
 Tổng Giám đốc